

Số: 31 /2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 843/TTr-SNV ngày 08 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2021

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Trung tâm Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (50b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về tiêu chuẩn, tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định.
2. UBND cấp xã; UBND cấp huyện; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tuyển chọn, quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Chương II **TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ**

Điều 3. Tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Tiêu chuẩn chung

- a) Là công dân Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
- b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
- c) Đủ điều kiện về sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.
- d) Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề trở lên; biết sử dụng công nghệ thông tin cơ bản trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

- a) Đối với chức danh Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội Người cao tuổi yêu cầu tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên; trình độ từ sơ cấp hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ trở lên.

b) Các chức danh do pháp luật chuyên ngành quy định: Trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

c) Về độ tuổi

Các chức danh hiệp thương cử, bầu cử không quá 65 tuổi khi tham gia giữ chức vụ lần đầu hoặc tái cử; trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi phải được Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện nhất trí.

Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không quá 28 tuổi khi tham gia giữ chức vụ lần đầu.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện các chế độ chính sách chậm nhất đến 31/12/2024 đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Các chức danh hiệp thương cử, bầu cử gồm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó của các tổ chức chính trị - xã hội: Trực tiếp tham mưu giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các chức danh Chủ tịch Hội người cao tuổi, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ: Thực hiện theo các quy định của Điều lệ hội.

3. Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và chấp hành sự phân công của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

4. Chức danh Trưởng ban bảo vệ dân phố, Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Chức danh Văn thư lưu trữ: Hỗ trợ giúp công chức Văn phòng - Thống kê để thực hiện nhiệm vụ công tác văn thư, lưu trữ tại UBND cấp xã theo quy định của pháp luật.

6. Chức danh Công tác gia đình và trẻ em: Hỗ trợ giúp công chức Văn hóa - xã hội thực hiện các nhiệm vụ công tác gia đình, trẻ em theo quy định của pháp luật.

7. Nhân viên thú y: Thực hiện nhiệm vụ theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã.

8. Đối với các chức danh khác được HĐND tỉnh quy định sau khi Quy định này ban hành thì thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc do UBND tỉnh quy định.

9. Ngoài nhiệm vụ quy định từ khoản 1 đến khoản 7 Điều này và các văn bản khác có liên quan, Chủ tịch UBND cấp xã có thể giao các nhiệm vụ phát sinh đột xuất theo yêu cầu của đơn vị.

Chương III

QUY TRÌNH TUYỂN CHỌN, THỦ TỤC HƯỞNG PHỤ CẤP

Điều 5. Nguyên tắc tuyển chọn

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
2. Tuyển chọn người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp vị trí việc làm.

Điều 6. Đối tượng tuyển chọn

1. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phải thực hiện quy trình tuyển chọn theo Điều 7 Quy định này.

2. Không thực hiện quy trình tuyển chọn đối với các chức danh sau:

a) Các chức danh hiệp thương cử, bầu cử: Thực hiện quy trình hiệp thương cử, bầu cử theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, hướng dẫn thi hành Điều lệ của tổ chức và phân cấp hiện hành.

b) Trưởng ban, Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố (*đối với phường*): Thực hiện quy trình bầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Những người đang đảm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được xem xét bố trí sang chức danh hoạt động không chuyên trách khác nếu đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí mới.

Điều 7. Quy trình, nội dung tuyển chọn

1. Xây dựng kế hoạch tuyển chọn: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định (*đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phải trong diện quy hoạch Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã*). Sau khi có ý kiến của cấp ủy cùng cấp, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch tuyển chọn trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt (*qua Phòng Nội vụ*).

2. Thông báo: Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt, UBND cấp xã thông báo công khai trên hệ thống loa công cộng và niêm yết tại trụ sở của UBND cấp xã về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của từng chức danh cần tuyển; thời hạn và địa điểm nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

3. Tiếp nhận: Chủ tịch UBND cấp xã phân công 01 công chức Văn phòng - Thống kê tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Thời hạn tiếp nhận: 15 ngày kể từ ngày niêm yết thông báo tuyển chọn.

4. Hết thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Chậm nhất 03 ngày làm việc, công chức Văn phòng - Thống kê được giao tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập danh sách người đăng ký tuyển chọn, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã.

5. Hội đồng tuyển chọn

a) Thành lập Hội đồng tuyển chọn

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn (sau đây gọi là Hội đồng) gồm 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Các ủy viên bao gồm: Đại diện Đảng ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 01 công chức Văn phòng - Thống kê là thành viên kiêm thư ký; các ủy viên khác có thể là cán bộ, công chức cấp xã; cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện có liên quan đến vị trí tuyển chọn.

Người có quan hệ vợ, chồng, cha, mẹ (đẻ), cha, mẹ (của vợ, chồng), con nuôi, con đẻ, anh, chị em ruột với người dự tuyển không được làm thành viên của Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, đối chiếu với tiêu chuẩn của chức danh cần tuyển chọn để xác định và thông báo những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện, được tham gia phỏng vấn.

Hội đồng tiến hành phỏng vấn những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

c) Nội dung phỏng vấn: Kiến thức chung, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Phương pháp phỏng vấn: Hội đồng tiến hành phỏng vấn từng người. Sau khi phỏng vấn xong tất cả những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn, Hội đồng thống nhất, lựa chọn người đáp ứng tốt nhất yêu cầu của vị trí chức danh cần tuyển chọn.

đ) Thông báo kết quả tuyển chọn, hoàn thiện hồ sơ

Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành phỏng vấn, Hội đồng ban hành thông báo kết quả tuyển chọn và yêu cầu người được tuyển chọn chậm nhất 05 ngày làm việc phải hoàn thiện hồ sơ tuyển chọn. Hồ sơ tuyển chọn gồm: Sơ yếu lý lịch, Giấy khai sinh, các văn bằng, chứng chỉ.

Sau khi thẩm định, xác minh hồ sơ, Hội đồng báo cáo kết quả tuyển chọn, đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

Điều 8. Thẩm quyền, quy trình hưởng, điều chỉnh; thôi hưởng phụ cấp

1. Thẩm quyền cho hưởng, điều chỉnh; thôi hưởng phụ cấp: Chủ tịch UBND cấp huyện.

2. Quy trình hưởng, điều chỉnh phụ cấp

a) Sau khi có kết quả tuyển chọn của Hội đồng đối với các chức danh thực hiện theo Điều 7 Quy định này, Chủ tịch UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận và cho hưởng phụ cấp.

b) Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Sau khi có kết quả tuyển chọn theo Điều 7 Quy định này, việc bổ nhiệm chức danh thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

c) Sau khi có văn bản công nhận của cấp có thẩm quyền đối với chức danh thực hiện quy trình hiệp thương cử, bầu cử. Chủ tịch UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định cho hưởng phụ cấp.

d) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thay đổi về vị trí, chức danh thì Chủ tịch UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định điều chỉnh mức hưởng phụ cấp.

3. Quy trình thôi hưởng phụ cấp

Chủ tịch UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đối với các trường hợp sau đây:

- a) Người tự nguyện xin nghỉ việc được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền;
- b) Người vi phạm bị đề nghị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc đối với các chức danh thực hiện theo khoản 6 Điều 14 Quy định này;
- c) Các chức danh hiệp thương cử, bầu cử, bổ nhiệm do cấp có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, cho thôi làm nhiệm vụ hoặc hết nhiệm kỳ mà không tiếp tục được giới thiệu hiệp thương cử, bầu cử giữ chức vụ, chức danh nhiệm kỳ mới hoặc bố trí các chức danh khác.
- d) Người được cơ quan, tổ chức cho nghỉ việc để sắp xếp, kiện toàn, bố trí lại số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo yêu cầu của tổ chức.

Chương IV QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Điều 9. Về chế độ làm việc

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã làm việc mỗi tuần từ 5 đến 7 buổi; một buổi tính bằng $\frac{1}{2}$ ngày làm việc. Thời gian làm việc cụ thể do UBND cấp xã thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội; được quy định trong quy chế làm việc.

2. Khi có nhiệm vụ phát sinh đột xuất, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phải chấp hành sự phân công của người đứng đầu tổ chức hoặc Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 10. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm và vị trí được quy hoạch.

2. Điều kiện, thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 11. Đánh giá, phân loại và thẩm quyền đánh giá, phân loại

1. Các chức danh hiệp thương cử, bầu cử: Căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về kiểm điểm, đánh giá, phân loại hằng năm đối với cán bộ cấp xã, để thực hiện đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Chức danh còn lại: Căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về kiểm điểm đánh giá, phân loại hằng năm đối với công chức cấp xã để thực hiện đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

3. Thẩm quyền

a) Các chức danh hiệp thương cử, bầu cử gồm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó của các tổ chức chính trị - xã hội do Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu của các tổ chức chính trị - xã hội đánh giá, phân loại.

b) Các chức còn lại do Chủ tịch UBND cấp xã đánh giá, phân loại.

4. Kết quả đánh giá, phân loại là cơ sở để cấp ủy, chính quyền quy hoạch, bố trí vào các chức danh cán bộ cấp xã; quy hoạch chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

Điều 12. Khen thưởng

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ thì được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội.

Điều 13. Đối tượng xử lý kỷ luật

1. Đối với các chức danh hiệp thương cử, bầu cử thực hiện theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội.

2. Đối với các chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Trưởng ban bảo vệ dân phố, Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố (đối với phường) thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

3. Đối với các chức danh: Văn thư lưu trữ, Công tác gia đình và trẻ em, Nhân viên thú y thực hiện theo Điều 14 Quy định này.

Điều 14. Xử lý kỷ luật

1. Nguyên tắc

a) Khách quan, công bằng; công khai, minh bạch.

b) Trường hợp đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo nếu tiếp tục có hành vi vi phạm thì áp dụng hình thức buộc thôi việc.

c) Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục hậu quả.

2. Các trường hợp chưa xem xét kỷ luật

a) Người đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

b) Nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; nam giới trong trường hợp vợ chết đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

c) Người đang bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật

a) Người được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm.

b) Người được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự khi thực hiện nhiệm vụ.

c) Người hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời.

4. Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với người có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm quy định kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

c) Không chấp hành quyết định phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng.

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

e) Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

g) Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ.

h) Vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

i) Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội.

5. Áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo đối với người có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm;

b) Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với các trường hợp sau đây:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm;
- b) Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
- c) Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển chọn vào làm người hoạt động không chuyên trách cấp xã.
- d) Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có kết luận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

7. Quy trình xử lý kỷ luật

a) Thành lập Hội đồng kỷ luật: Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật (*sau đây gọi là Hội đồng*) gồm 05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Các ủy viên bao gồm: Đại diện Đảng ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; đại diện tổ chức Công đoàn, 01 công chức Văn phòng - Thông kê là ủy viên kiêm thư ký hội đồng.

Người có quan hệ vợ, chồng, cha, mẹ (*đẻ*), cha, mẹ (*của vợ, chồng*), con nuôi, con đẻ, anh, chị em ruột với người bị xem xét xử lý kỷ luật không được làm thành viên của Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng kỷ luật

Yêu cầu bằng văn bản để người có hành vi vi phạm viết bản tự kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật, gửi Hội đồng kỷ luật. Trường hợp người vi phạm từ chối viết bản kiểm điểm, Hội đồng.

Sau khi nhận được bản tự kiểm điểm của người vi phạm, chậm nhất 10 ngày làm việc, Hội đồng kỷ luật tiến hành họp xét kỷ luật (*giấy mời, giấy triệu tập phải gửi đến thành viên Hội đồng và người vi phạm ít nhất 3 ngày làm việc*).

Trường hợp người vi phạm đã nhận được yêu cầu viết bản kiểm điểm, nhận được giấy triệu tập của Hội đồng kỷ luật nhưng từ chối viết bản kiểm điểm hoặc từ chối tham dự họp kiểm điểm, thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành họp xét kỷ luật theo mức độ vi phạm, tài liệu liên quan và tình tiết khác.

c) Nội dung họp xét kỷ luật: Căn cứ bản tự kiểm điểm, hành vi, mức độ vi phạm và các tình tiết khác, Hội đồng thảo luận, thống nhất về việc áp dụng hình thức kỷ luật, gồm: Khiển trách, cảnh cáo, buộc thôi việc. Chủ tịch Hội đồng kỷ luật công bố kết quả và thông qua biên bản cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng kỷ luật và Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật ký biên bản cuộc họp.

Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản với Chủ tịch UBND cấp xã.

d) Thẩm quyền xử lý kỷ luật

Căn cứ đề nghị của Hội đồng kỷ luật, Chủ tịch UBND cấp xã xem xét quyết định kỷ luật đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng kỷ luật, Chủ tịch UBND cấp xã xem xét trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định kỷ luật đối với hình thức buộc thôi việc.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.
2. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định số lượng, chức danh, các chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
3. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị kiểm tra công tác tuyển chọn, quản lý, sử dụng và việc thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
4. Thực hiện báo cáo, thống kê định kỳ hoặc đột xuất về số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Tài chính

Tham mưu phân bổ kinh phí, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí để thực hiện các chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp huyện

1. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định.
2. Hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng quy chế làm việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; việc thực hiện các chế độ chính sách; nhận xét, đánh giá, phân loại; khen thưởng, kỷ luật; lập và quản lý hồ sơ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
3. Định kỳ hằng năm và đột xuất tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Cho ý kiến bằng văn bản về kế hoạch tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Ban hành các quyết định: công nhận, cho hưởng phụ cấp, bổ nhiệm chức danh, bố trí kiêm nhiệm, buộc thôi việc, thôi hưởng phụ cấp, hưởng chế độ kiêm nhiệm, thôi hưởng chế độ kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
3. Quyết định kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp xã

1. Xây dựng quy chế làm việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; lập và quản lý hồ sơ, trực tiếp quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ để đạt chuẩn theo chức danh và chức danh được quy hoạch theo quy định.
3. Định kỳ hằng năm và đột xuất tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn.
4. Quyết định kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 20. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã

1. Thực hiện công tác tuyển chọn, bố trí công tác người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định.
2. Đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định: Cho ý kiến bằng văn bản về kế hoạch tuyển chọn; công nhận, cho hưởng phụ cấp, bổ nhiệm chức danh, bố trí kiêm nhiệm, buộc thôi việc, thôi hưởng phụ cấp, hưởng chế độ kiêm nhiệm, thôi hưởng chế độ kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
3. Thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội phân công nhiệm vụ đối với chức danh là cấp phó của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; trực tiếp phân công nhiệm vụ đối với các chức danh còn lại.
4. Quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
5. Giải quyết hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Phối hợp với Chủ tịch UBND cấp xã trong việc tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá, phân loại và thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách thuộc tổ chức theo đúng quy định và Điều lệ.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tuyên truyền, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, UBND các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.